

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN SƠN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2024/HNGĐ-ST**.
Ngày 14/3/2024
“*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và bà Lộc Thị Kim Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Yên – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Lương Nguyễn Thảo P - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự ly hôn thụ lý số: 19/2024/TLST- HNGĐ, ngày 23/01/2024, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HS ngày 28/02/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lương Thị V**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn V1**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Hiện đang chấp hành án hình phạt tù tại Trại giam T – Cục C, Bộ C1. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Lương Thị V trình bày:

Chị và anh Phạm Văn V1 kết hôn với nhau vào năm 1999 có tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y vào ngày 01/3/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn L, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn, vài năm

trở lại đây mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh V1 không chịu khó tu chí làm ăn mà thường xuyên chơi bời, đánh chửi chị; ngoài ra anh V1 còn sử dụng chất ma túy, đến tháng 6/2023 anh V1 bị bắt về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị xét xử 01 năm tù, hiện nay đang đi chấp hành án tại Trại giam. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, trong suốt quá trình sống ly thân và anh V1 đi chấp hành án hai vợ chồng không quan tâm gì đến nhau.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị V vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh V1 đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V1 theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị V xác định, chị và anh Phạm Văn V1 có 02 con chung là cháu: Phạm Văn D, sinh ngày 11/6/2004 và cháu Phạm Thị Y, sinh ngày 07/02/2007 hiện nay các cháu đang ở cùng chị, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Y, không đề nghị anh V1 cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh V1 đang chấp hành án hình phạt tù không đủ khả năng nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung; còn đối với cháu Phạm Văn D hiện nay đã đủ 18 tuổi nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung: Chị V xác định chị và anh Phạm Văn V1 có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, tự chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị V xác định, chị và anh V1 không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Phạm Văn V1 trình bày:

Anh và chị Lương Thị V kết hôn với nhau vào năm 1999 có tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y vào ngày 01/3/1999. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống; một phần còn do anh sử dụng chất ma túy, đến tháng 6/2023 anh bị bắt về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị xét xử 01 năm tù, hiện nay đang đi chấp hành án tại Trại giam. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, trong suốt quá trình anh bị bắt giam và đi thi hành án chị V cũng không thăm gặp anh.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V1 vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, anh xác định quá trình chung sống giữa anh và chị V có xảy ra mâu thuẫn nhưng theo anh mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn, mặt khác hiện nay các con anh đã lớn nên anh không muốn ly hôn với chị V. Chị V đề nghị xin ly hôn anh không nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh V1 xác định, anh và chị Lương Thị V có 02 con chung là

cháu: Phạm Văn D, sinh ngày 11/6/2004 và cháu Phạm Thị Y, sinh ngày 07/02/2007 hiện nay các cháu đang ở cùng chị V, nếu chị V kiên quyết ly hôn anh đề nghị giao cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Y, anh không phải cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh đang chấp hành án hình phạt tù không đủ khả năng nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung; còn đối với cháu Phạm Văn D hiện nay đã đủ 18 tuổi nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung: Anh V1 xác định anh và chị V có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, tự chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh V1 xác định, anh và chị V không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của BLTTDS; tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị V xử cho chị Lương Thị V được ly hôn với anh Phạm Văn V1.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Phạm Thị Y, sinh ngày 07/02/2007 cho chị Lương Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh V1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Đối với cháu Phạm Văn D, sinh ngày 11/6/2004, hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Chị V và anh V1 cùng xác định có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, tự chia, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Chị V và anh V1 cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Lương Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; lấy lời khai đương sự; tiến hành xác minh tại thôn L, xã K; lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ 07 tuổi.

Chị Lương Thị V có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án vì lý do anh V1 hiện đang đi chấp hành án việc trích xuất để hoà giải gặp nhiều khó khăn, nên Tòa án chỉ tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Chị Lương Thị V và anh Phạm Văn V1 kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp; chị V khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và giao nuôi con chung nên xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; bị đơn anh Phạm Văn V1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật; chị V và anh V1 đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.*

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị Lương Thị V và anh Phạm Văn V1 kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, hiện nay anh V1 đang đi chấp hành án tại Trại giam giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V1 theo quy định của pháp luật. Tại biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh V1 cũng xác định giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng anh cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức ly hôn, mặt khác hiện nay các con đã lớn nên anh không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị V.

HĐXX xét thấy, việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh V1 là đúng thực tế, cả hai đều xác định giữa hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn xảy ra, hiện nay đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt mà người nào chỉ biết bỏn phận của người đó, bỏ mặc

nhau sống ra sao thì sống, trên thực tế cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài; anh V1 không nhất trí ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng và lý do hiện các con đã lớn, tuy nhiên trên thực tế lại không có cách thức biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lương Thị V được ly hôn với anh Phạm Văn V1.

[2.2] *Về con chung:*

Quá trình chung sống, giữa chị V và anh V1 có 02 con chung là cháu: Phạm Văn D, sinh ngày 11/6/2004 và cháu Phạm Thị Y, sinh ngày 07/02/2007. Chị V đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Thị Y, không đề nghị anh V1 cấp dưỡng nuôi con chung; đối với cháu Phạm Văn D hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

HĐXX xét thấy, theo kết quả xác minh tại thôn L, xã K, huyện Y và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện: Cháu Phạm Văn D hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu Phạm Thị Y1 hiện đang học lớp 11, ý kiến cháu Y1 có nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị Lương Thị V; chị V có chỗ ở ổn định, hiện nay chủ yếu ở nhà sản xuất nông nghiệp (trồng cây ăn quả) và làm các công việc tự do khác, có thu nhập ổn định, mức thu nhập bình quân khoảng 7.000.000 đồng – 8.000.000 đồng/tháng, chị V đảm bảo các điều kiện để nuôi con, mặt khác cháu Phạm Thị Y là con gái nếu ở với mẹ sẽ được tạo điều kiện phát triển tốt hơn về mặt tâm sinh lý; còn đối với anh Phạm Văn V1 hiện nay đang đi chấp hành án tại Trại giam không đảm bảo các điều kiện để nuôi con.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của cháu Phạm Thị Y và ưu tiên bảo đảm lợi ích của con, cần giao cháu Phạm Thị Y cho chị Lương Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Lương Thị V không yêu cầu anh V1 cấp dưỡng, nên anh V1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Anh V1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Quá trình giải quyết vụ án chị V và anh V1 đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] *Về án phí và quyền kháng cáo:* Chị Lương Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh Phạm Văn V1 không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Lương Thị V đối với anh Phạm Văn V1.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lương Thị V được ly hôn với anh Phạm Văn V1. Quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh V1 chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Y, sinh ngày 07/02/2007 cho chị Lương Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Phạm Văn V1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Lương Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001094, ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, chị V đã nộp đủ tiền án phí. Anh Phạm Văn V1 không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Kiến Thiết (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Huệ

Lộc Thị Kim Thơm

Vũ Mạnh Hồng

